TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Liêm.

Ông Thạch Rích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị L, sinh ngày 01/01/1979.

Nơi thường trú: Ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú hiện nay: Đường A số nhà C, ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 095179008746.

- *Bị đơn:* Anh Châu Quốc T, sinh ngày 01/01/1974.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Chứng minh nhân dân số: 365637965.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị Đỗ Thị L và anh Châu Quốc T có tổ chức tiệc cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ). Sau khi kết hôn thì chị L và anh T sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng về sau thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn tình cảm và không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và anh T có hai người con chung tên Châu Nhựt M, sinh ngày 26/10/2005 và Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009. Hiện nay, cháu Nhựt M đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, cháu Ngọc M1 đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Đỗ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Châu Quốc T.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Ngọc M1 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Châu Nhựt M đã thành niên, có khả năng tự lao động và nuôi sống bản thân nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 137/TB-TLVA ngày 08 tháng 10 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Châu Quốc T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do và chị L có yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung tên Châu Nhựt M, sinh ngày 26/10/2005 và Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009. Hiện nay, cháu Nhựt M đã thành niên và có cuộc sống riêng, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; cháu Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009 chưa thành niên, đang sống chung với chị L, chị L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Châu Ngọc M1 đến tuổi thành niên và cháu Châu Ngọc M1 có nguyện vọng được sống chung với chị L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh T mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Đỗ Thị L khởi kiện thì anh Châu Quốc T; cư trú tại ấp M, xã L, thành phố Cần Thơ. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu Quốc T và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị L và bị đơn anh Châu Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị L và anh Châu Quốc T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L, sinh ngày 01/01/1979 và anh Châu Quốc T, sinh ngày 01/01/1974 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 18 tháng 10 năm 2022 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị L và anh Châu Quốc T là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Đỗ Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L và anh T hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc, chị L và anh T không còn sống chung với nhau thời gian dài và đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh T trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung tên Châu Nhựt M, sinh ngày 26/10/2005 và Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009. Hiện nay, cháu Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009 là người chưa thành niên, đang sống chung với chị L, chị L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Châu Ngọc M1 đến tuổi thành niên và cháu Châu Ngọc M1 có nguyện vọng được sống chung với chị L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với cháu Châu Nhựt M, sinh ngày 26/10/2005, hiện nay đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Châu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Đỗ Thị L là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị L và anh Châu Quốc T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Ngọc M1, sinh ngày 06/9/2009 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Châu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L. Riêng đối với cháu Châu Nhựt M, sinh ngày 26/10/2005, hiện nay đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003309 ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Đỗ Thị L đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- UBND xã L, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn